

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
A. Sự cần thiết, mục đích của việc thực hiện sáng kiến	3
B. Phạm vi triển khai thực hiện	5
C. Nội dung	5
I. Tình trạng giải pháp đã biết	5
II. Nội dung giải pháp	6
II. 1. Đọc hiểu	6
1.1. Ôn luyện lý thuyết Đọc hiểu	
1.2. Một số lưu ý về phương pháp làm Đọc hiểu	7
1.3. Bài tập rèn kĩ năng Đọc hiểu	7
2. Kiến thức cụ thể	7
2. 1. Kĩ năng làm bài phần đọc hiểu theo các cấp độ nhận thức	
2.2. Nội dung kiến thức	7
3. Một số lưu ý khi làm phần Đọc hiểu trong đề thi	13
II.2. Phần làm văn	14
II.2.1. Nghị luận xã hội	14
II.2.2. Nghị luận văn học	15
II.2.3. Kiến thức ôn tập	18
III. Khả năng áp dụng của giải pháp	18
IV. Hiệu quả, lợi ích thu được	19
V. Phạm vi ảnh hưởng của giải pháp	19
VI. Kiến nghị đề xuất	20
Tài liệu tham khảo	22
Các phụ lục	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Nội dung
THPT	Trung học phổ thông
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
THPT QG	Trung học phổ thông quốc gia
NLXH	Nghị luận xã hội
NLVH	Nghị luận văn học

SÁNG KIẾN

Kinh nghiệm trong việc dạy học, ôn thi THPT QG môn Ngữ văn theo hướng tiếp cận phát triển năng lực

A. Sự cần thiết, mục đích của việc thực hiện sáng kiến

Tháng 10/2013, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã thông qua Nghị quyết 29 về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”. Xác định được nhiệm vụ quan trọng đó nên những năm qua Bộ Giáo dục và Đào tạo đã không ngừng đưa ra những giải pháp mang tính cải tiến như: chuẩn bị đổi mới chương trình giáo khoa, đổi mới kiểm tra đánh giá, đổi mới phương pháp dạy học... Những thay đổi đó nhằm phát triển năng lực người học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu hội nhập Quốc tế của đất nước.

Tháng 01/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 04/2017/TT-BGDĐT về quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT. Bộ GD&ĐT quy định rõ việc thực hiện việc đổi mới kiểm tra đánh giá chất lượng học tập môn Ngữ văn trong kì thi tốt nghiệp THPT, nội dung kiểm tra tập trung ở chương trình lớp 12; thực hiện theo hướng đánh giá năng lực học sinh nhưng ở mức độ phù hợp.

Căn cứ theo sự thay đổi trong cấu trúc đề thi từ năm 2014, trong năm học 2016-2017, Bộ giáo dục và đào tạo đã giới thiệu bộ đề thi minh họa môn Ngữ văn. Tại đây, đề thi gồm hai phần: Đọc hiểu và Làm văn.

Ở dạng câu hỏi đọc hiểu - sự đổi mới tích cực trong cách ra đề Ngữ văn theo định hướng mới. Nếu dạng câu hỏi tái hiện kiến thức chỉ có thể kiểm tra học sinh ở mức *nhận biết, thông hiểu*, có biết, hiểu, nắm được những kiến thức văn học đã được dạy trong chương trình hay không thì dạng câu hỏi đọc hiểu đã nâng cao hơn một mức vận dụng thấp, kiểm tra, phát triển được năng lực tự cảm nhận một văn bản bất kì. Như vậy có thể thấy, bên cạnh việc ôn tập, rèn kỹ năng viết phần tự luận thì việc ôn tập và rèn kỹ năng làm dạng câu hỏi đọc hiểu là điều cần thiết phải trang bị cho học sinh. Phần đọc hiểu này tuy không chiếm phần lớn số điểm nhưng lại có vị trí rất quan trọng bởi nó quyết định điểm cao hay thấp trong một bài thi. Nếu học sinh làm sai hết phần này thì chắc chắn điểm toàn bài còn lại dù có tốt mấy cũng chỉ đạt khoảng trên trung bình khá.

Ở phần Làm văn, học sinh phải đảm nhiệm viết bài cả hai dạng nghị luận văn học và nghị luận xã hội. Dù yêu cầu cụ thể hay không thì đề thi cũng đòi hỏi

phải phân hóa được đối tượng học sinh. Trong khi đó, thời gian làm bài thi môn Ngữ văn là 120 phút giảm nhiều so với các năm học trước.

Gần đây nhất, Bộ Giáo dục và Đào tạo giới thiệu bộ đề thi THPTQG tham khảo trong đó phần NLXH ghi rõ cấu trúc đề dành cho phần này giới hạn trong khoảng 200 từ, như thế học trò cần phải cô đúc, lượng hóa kiến thức thật cơ bản.

Vậy, làm thế nào để có thể phát huy được mọi đối tượng học sinh trong quá trình dạy - học, nhất là các em học yếu môn Ngữ Văn 12 để giúp các em đạt được kết quả khả quan trong học tập và trong kỳ thi tốt nghiệp THPT cuối năm?

Xuất phát từ thực tiễn giảng dạy cũng như vai trò của một giáo viên tâm huyết với nghề, nhiều năm ôn thi tốt nghiệp, đại học; Đồng thời góp phần tháo gỡ những khó khăn trên, tôi đã lựa chọn đề tài sáng kiến: Kinh nghiệm trong việc dạy học, ôn thi THPT QG môn Ngữ văn theo hướng tiếp cận phát triển năng lực.

Một số các khái niệm nền tảng, là cơ sở khoa học nghiên cứu đề tài:

- “Năng lực là những khả năng cá nhân được hình thành trên nền tảng hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ của cá nhân và khả năng tích hợp khai thác và vận dụng nền tảng này để giải quyết hoặc triển khai thực hiện thành công và hiệu quả những nhiệm vụ hoặc những vấn đề đặt ra cho mỗi cá nhân”(Phụ lục 1)

- Sơ đồ tư duy: Cha đẻ của phương pháp Mind map (Sơ đồ tư duy giản đồ ý) là giáo sư Tony Buzan, người Anh. Ông là tác giả của 92 đầu sách, được dịch ra trên 30 thứ tiếng, xuất bản trên 125 quốc gia. Theo triết lý của Tony Buzan thì sơ đồ tư duy được hiểu là một cách mở ra sức mạnh tư duy, tạo ra những đột phá trong suy nghĩ. Buzan nghiên cứu chuyên sâu về bộ não, trí nhớ, tìm ra quy luật khi xây dựng sơ đồ gồm nhiều nhánh, giúp bộ não ghi chép các sự kiện một cách hệ thống. Sơ đồ tư duy giúp luyện tập trí não. Ở Việt Nam, hiện đã có hai quyển sách dịch từ công trình của ông được xuất bản là "Sơ đồ tư duy" và "Sử dụng trí não của bạn". Qua cuốn sách, hoạt động của bộ não được nghiên cứu, ghi chép chi tiết giúp chúng ta hiểu được cỗ máy sinh học của chính chúng ta, để chăm sóc nó và để bạn giải phóng cho những khả năng phi thường mà chúng ta có. Chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về nguyên lý hoạt động của bộ não và nên sử dụng nó như thế nào để có hiệu quả tối ưu, hay có thể ghi nhớ lâu hơn, đọc nhanh hơn, hiệu quả hơn. Không những vậy, chúng ta còn hiểu được sơ đồ tư duy, thấy được sự tương thích giữa sơ đồ tư duy với cấu tạo, chức năng và hoạt động của bộ não. Từ đó thấy được vai trò quan trọng của nó trong học tập và trong đời sống. Sơ đồ tư duy không chỉ có tác dụng với mỗi cá nhân mà nó còn phát huy được sức mạnh của tập thể....Sau khi tìm hiểu và nghiên cứu về sơ đồ tư duy được phát minh bởi Tony Buzan, tôi nhận thấy rằng sơ đồ tư duy là công cụ tư

duy mang tính tự nhiên, nếu vận dụng vào dạy học sẽ gây cảm hứng và niềm say mê học tập cho học sinh. Đặc biệt, sơ đồ tư duy rất phù hợp cho việc đọc, ôn tập, ghi chép của học sinh. Có thể nói, đây cũng là công cụ vô cùng hữu ích không những giúp học sinh mà cả giáo viên trong việc thu thập, phân loại thông tin. Sơ đồ tư duy là một công cụ tư duy thực sự hiệu quả bởi nó tối đa hóa được nguồn lực của cá nhân và tập thể. Mỗi thành viên đều rèn luyện được khả năng tư duy, kỹ năng thuyết trình và làm việc khoa học. Sử dụng sơ đồ tư duy giúp cho các thành viên hiểu được nội dung bài học một cách rõ ràng và hệ thống. Việc ghi nhớ cũng như vận dụng cũng sẽ tốt hơn. Chỉ cần nhìn vào sơ đồ tư duy, bất kỳ thành viên nào của nhóm cũng có thể thuyết trình được nội dung bài học. Sơ đồ tư duy cung cấp cho ta cái nhìn chi tiết và cụ thể. Khi mọi người tập trung vào chủ đề ở giữa thì bộ não của mỗi thành viên đều hướng tới trọng tâm tạo nên sự đồng thuận tập thể, cùng hướng tới một mục tiêu chung và định hướng được kết quả. Các nhánh chính của sơ đồ tư duy đưa ra cấu trúc tổng thể giúp các thành viên định hướng tư duy một cách logic. Bên cạnh đó, các nhánh phụ kích thích tính sáng tạo đồng thời hiểu được tư duy cũng như sự tích cực của mỗi thành viên.

Kiến thức môn Ngữ văn THPT, đặc biệt tập trung vào chương trình lớp 12.

B. Phạm vi triển khai thực hiện

- Học sinh lớp 12C1, 12A1 trường THPT thành phố Điện Biên Phủ năm học 2016-2017.
- Học sinh lớp 12C5, 12C6 trường THPT Phan Đình Giót năm học 2016-2017 (thử nghiệm)
- Học sinh lớp 12C2 trường PTDTNT Tỉnh, năm học 2016-2017 (thử nghiệm)
- Học sinh lớp 12C1 Trung tâm giáo dục thường xuyên Tỉnh, năm học 2016-2017 (thử nghiệm)

C. Nội dung

I. Tình trạng giải pháp đã biết

Ngay từ khi Bộ GD&ĐT thông báo và hướng dẫn những thay đổi trong trong kỳ thi THPT QG năm học 2016-2017 nhiều giáo viên đã có những cách dạy riêng nhưng mới chỉ là kinh nghiệm cá nhân, chưa cụ thể và chưa có tính hệ thống, chưa khoa học.

Tài liệu dành cho phần đọc hiểu còn thiếu, chương trình không dạy nội dung này. Phần Làm văn phạm vi thu hẹp trong chương trình lớp 12. Vậy, những kiến thức chương trình này có thể bỏ kiến thức lớp 10, 11.

Tổ chuyên môn Ngữ văn thường xuyên sinh hoạt chuyên đề, trao đổi, bàn bạc về cách dạy, ôn tập, ôn thi. Tuy nhiên, hiệu quả giảng dạy lại phải phụ thuộc vào bản lĩnh cá nhân người dạy. Mục tiêu hướng đến là học sinh nắm bắt kiến thức, phát huy được năng lực cá nhân vào việc nói và viết, đạt kết quả cao trong kỳ thi THPTQG.

II. Nội dung giải pháp

Đề thi có dạng câu hỏi Đọc hiểu xuất hiện phong phú như vậy nhưng trong chương trình sách giáo khoa môn Ngữ văn của trung học phổ thông lại không có một kiểu bài dạy riêng để hướng dẫn cho thầy cô giáo cũng như các em học sinh nắm được phương pháp làm dạng đề này một cách hiệu quả nhất. Chính vì vậy mà như đã trình bày ở phần lí do chọn đề tài nhiều em học sinh tỏ ra rất lúng túng, băn khoăn về cung cấp kiến thức lý thuyết như nào, rèn luyện kĩ năng ra sao để các em tự làm tốt được phần đọc hiểu trong bài thi. Phần Làm văn cũng cần phải đưa công thức để áp dụng giảng dạy hiệu quả; cách hệ thống kiến thức thế nào cho phù hợp.

Đứng trước thực trạng đó, bằng kinh nghiệm của bản thân đang trực tiếp ôn thi THPT Quốc gia, qua những năm dạy đội tuyển học sinh giỏi cũng như trao đổi với đồng nghiệp, tôi đề xuất cách hướng dẫn học sinh thi THPT Quốc gia theo hướng sau:

II. 1. Đọc hiểu (Phụ lục 2,3,4)

1.1. Ôn luyện lý thuyết Đọc hiểu

Đây là một bước không mấy dễ dàng đối với những thầy cô ôn thi THPT Quốc gia nói chung, đặc biệt là các giáo viên mới ra trường hoặc năm đầu ôn thi THPT Quốc gia. Vì phần kiến thức lý thuyết liên qua đến dạng câu hỏi Đọc – hiểu này khá rộng, kiến thức không quy tụ thành một bài, hay ở một khối lớp nào mà kiến thức đó nằm rải rác từ lớp 6 cho đến lớp 12. Vì vậy giáo viên mất nhiều thời gian thu thập, thanh lọc, xử lý kiến thức, chia thành các mảng, với các chủ đề cụ thể cùng các ví dụ tương ứng để hướng dẫn học sinh.

Tháo gỡ khó khăn trên tôi đã nghiên cứu và phân loại kiến thức lý thuyết có liên quan đến dạng câu hỏi Đọc hiểu để ôn tập cho học sinh. Đặc biệt ở những phần kiến thức lý thuyết dễ nhầm lẫn tôi kẻ thành bảng kiến thức trọng tâm nhằm giúp các em học sinh nhận diện đúng từng thể loại, dễ dàng khắc sâu kiến thức. Sau mỗi phần lý thuyết đều có ví dụ minh họa để học sinh củng cố, kiểm chứng lại lý thuyết.

Giáo viên nghiên cứu tài liệu và hướng dẫn cho học sinh nắm bắt được những dạng kiến thức lý thuyết liên quan đến câu hỏi Đọc hiểu trong đề thi. Bao

gồm các dạng như: Các loại phong cách ngôn ngữ; Các phương thức biểu đạt; Các thao tác lập luận; Các biện pháp tu từ; Các phép liên kết; Phân biệt các thể thơ; Xác định nội dung, chi tiết, hình ảnh chính trong văn bản (nhân đề, chủ đề, chi tiết, hình ảnh đặc sắc); Viết một đoạn văn ngắn trình bày quan điểm của cá nhân về một vấn đề của cuộc sống có liên quan đến văn bản.

1.2. Một số lưu ý về phương pháp làm Đọc hiểu

Ở phần này người viết đưa ra những lưu ý về phương pháp làm bài như: cách trình bày, kĩ năng nhận diện các loại câu hỏi, cách trả lời...

1.3. Bài tập rèn kĩ năng Đọc hiểu

Sau khi giáo viên ôn tập, hướng dẫn học sinh nắm chắc lý thuyết, tôi cung cấp cho các em học sinh các đề Đọc hiểu thuộc văn bản nhật dụng và văn bản văn học. Phần này người viết đưa 5 đề với các loại câu hỏi thường gặp trong đề thi để học sinh luyện tập, rèn kĩ năng làm bài. Các câu hỏi thể hiện ở các mức: *nhận biết, thông hiểu, vận dụng*. Sau mỗi đề có đáp án để các em đối chiếu, giáo viên sửa bài cho học sinh.

2. Kiến thức cụ thể

2. 1. Kĩ năng làm bài phân đọc hiểu theo các cấp độ nhận thức

(Từ thấp đến cao: từ nhận biết -> thông hiểu -> vận dụng thấp -> vận dụng cao)

- Câu hỏi nhận biết thường đưa ra yêu cầu thí sinh chỉ ra các phương thức biểu đạt, phong cách chức năng ngôn ngữ, các hình thức ngôn ngữ, biện pháp tu từ, thao tác lập luận, kiểu liên kết hay các lỗi diễn đạt ... trong văn bản.

- Câu hỏi thông hiểu thường yêu cầu thí sinh xác định nội dung chính của văn bản hay một câu, một đoạn trong văn bản.

- Câu hỏi vận dụng thấp thường yêu cầu nêu tác dụng của các phép tu từ hay việc sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt, sử dụng từ ngữ ... trong văn bản.

- Câu hỏi vận dụng cao thường là dạng câu hỏi bày tỏ quan điểm thái độ hoặc liên hệ thực tế đời sống (liên hệ hiện tượng nào và đưa ra giải pháp).

2.2. Nội dung kiến thức

2.2.1. Kiến thức về từ loại (khái niệm, phân loại từ); kiến thức về câu (khái niệm, phân loại câu); kiến thức về các biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, nói giảm, nói tránh, điệp từ, điệp ngữ, phép đối, ...).

2.2.2. Kiến thức về các loại phong cách ngôn ngữ (phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, phong cách ngôn ngữ chính luận, phong cách ngôn ngữ báo chí, phong cách ngôn ngữ khoa học, phong cách ngôn ngữ hành chính công vụ);

Lưu ý: Sau khi cung cấp kiến thức về các loại phong cách ngôn ngữ, giáo viên cần nhấn mạnh lại đặc điểm nhận diện của các loại phong cách để học sinh dễ phân biệt khi xác định phong cách đó trong một văn bản.

	Phong cách ngôn ngữ	Đặc điểm nhận diện
1	<i>Phong cách ngôn ngữ khoa học</i>	Dùng trong những văn bản thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học, đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu
2	<i>Phong cách ngôn ngữ báo chí (thông tấn)</i>	Kiểu diễn đạt dùng trong các loại văn bản thuộc lĩnh vực truyền thông của xã hội về tất cả các vấn đề thời sự.
3	<i>Phong cách ngôn ngữ chính luận</i>	Dùng trong lĩnh vực chính trị - xã hội, người giao tiếp thường bày tỏ chính kiến, bộc lộ công khai quan điểm tư tưởng, tình cảm của mình với những vấn đề thời sự nóng hổi của xã hội
4	<i>Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật</i>	-Dùng chủ yếu trong tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người; từ ngữ trau chuốt, tinh luyện...
5	<i>Phong cách ngôn ngữ hành chính</i>	-Dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực giao tiếp điều hành và quản lí xã hội.
6	<i>Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt</i>	- Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày, mang tính tự nhiên, thoải mái và sinh động, ít trau chuốt...trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm trong giao tiếp với tư cách cá nhân

2.3. Kiến thức về các phương thức biểu đạt (tự sự, biểu cảm, miêu tả, thuyết minh, nghị luận và hành chính công vụ).

Phương thức	Đặc điểm nhận diện	Thể loại
Tự sự	Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết	- Bản tin báo chí

	quả. (diễn biến sự việc)	- Bản tường thuật, tường trình - Tác phẩm văn học nghệ thuật (truyện, tiểu thuyết)
Miêu tả	Tái hiện các tính chất, thuộc tính sự vật, hiện tượng, giúp con người cảm nhận và hiểu được chúng.	- Văn tả cảnh, tả người, vật... - Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự.
Biểu cảm	Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của con người trước những vấn đề tự nhiên, xã hội, sự vật...	- Điện mừng, thăm hỏi, chia buồn - Tác phẩm văn học: thơ trữ tình, tùy bút.
Thuyết minh	Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả có ích hoặc có hại của sự vật hiện tượng, để người đọc có tri thức và có thái độ đúng đắn với chúng.	- Thuyết minh sản phẩm - Giới thiệu di tích, thắng cảnh, nhân vật - Trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học.
Nghị luận	Trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận, trình bày tư tưởng, chủ trương quan điểm của con người đối với tự nhiên, xã hội, qua các luận điểm, luận cứ và lập luận thuyết phục.	- Cáo, hịch, chiếu, biểu. - Xã luận, bình luận, lời kêu gọi. - Sách lí luận. - Tranh luận về một vấn đề trính trị, xã hội, văn hóa.
Hành chính – công vụ	- Trình bày theo mẫu chung và chịu trách nhiệm về pháp lí các ý kiến, nguyện vọng của cá nhân, tập thể đối với cơ quan quản lí.	- Đơn từ - Báo cáo - Đề nghị

2.4. Các thao tác lập luận

Bảng kiến thức

Thao tác lập luận	Đặc điểm nhận diện
Giải thích	Giải thích là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình.
Phân tích	Phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kĩ lưỡng nội dung và mối liên

	hệ bên trong của đối tượng.
Chứng minh	Chứng minh là đưa ra những cứ liệu – dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề. (Đưa lí lẽ trước - Chọn dẫn chứng và đưa dẫn chứng. Cần thiết phải phân tích dẫn chứng để lập luận CM thuyết phục hơn. Đôi khi thuyết minh trước rồi trích dẫn chứng sau.)
Bác bỏ	Bác bỏ là chỉ ra ý kiến sai trái của vấn đề trên cơ sở đó đưa ra nhận định đúng đắn và bảo vệ ý kiến lập trường đúng đắn của mình.
Bình luận	Bình luận là bàn bạc đánh giá vấn đề, sự việc, hiện tượng... đúng hay sai, hay/dở; tốt/xấu, lợi/hại...; để nhận thức đối tượng, cách ứng xử phù hợp và có phương châm hành động đúng.
So sánh	So sánh là một thao tác lập luận nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm. Hai sự vật cùng loại có nhiều điểm giống nhau thì gọi là so sánh tương đồng, có nhiều điểm đối chọi nhau thì gọi là so sánh tương phản.

2.5. Các biện pháp tu từ

- **Tu từ về ngữ âm:** điệp âm, điệp vần, điệp thanh,...(tạo âm hưởng và nhịp điệu cho câu)

- **Tu từ về từ:** so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, tương phản, chơi chữ, nói giảm, nói tránh, thậm xưng,...

- **Tu từ về cú pháp:** Lập cú pháp, liệt kê, chêm xen, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, đối, im lặng,...

* Bảng kiến thức (một số kiến thức cơ bản minh chứng)

Biện pháp tu từ	Hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật)
So sánh	Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc
Ẩn dụ	Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.
Nhân hóa	Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người
Hoán dụ	Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc

Điệp từ/ngữ/câu trúc	Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ.
Nói giảm	Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân trọng
Thậm xưng	Tô đậm, phóng đại về đối tượng
Câu hỏi tu từ	Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định...)
Đảo ngữ	Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về phần được đảo lên
Đối	Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa
Im lặng	Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc
Liệt kê	Diễn tả cụ thể, toàn diện nhiều mặt

2.6. Các phép liên kết (liên kết các câu trong văn bản)

Các phép liên kết	Đặc điểm nhận diện
Phép lặp từ ngữ	Lặp lại ở câu đứng sau những từ ngữ đã có ở câu trước
Phép liên tưởng (đồng nghĩa / trái nghĩa)	Sử dụng ở câu đứng sau những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước
Phép thế	Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước
Phép nối	Sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị <i>quan hệ</i> (nối kết) với câu trước

2.7. Phân biệt các thể thơ

Để phân biệt được các thể thơ, xác định được đúng thể loại khi làm bài kiểm tra, chúng ta cần giúp học sinh hiểu luật thơ: những quy tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp... Căn cứ về luật thơ, người ta phân chia các thể thơ Việt Nam ra thành 3 nhóm chính

Các thể thơ dân tộc: lục bát, song thất lục bát, hát nói

Các thể thơ Đường luật: ngũ ngôn, thất ngôn

Các thể thơ hiện đại: năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi,...

- Thể lục bát

+ Số tiếng: mỗi cặp gồm hai dòng (một câu 6 – một câu 8)

+ Vần: Hiệp vần ở tiếng thứ 6 hai dòng và tiếng thứ 8 dòng bát với tiếng thứ 6 dòng lục

+ Nhịp: Chẵn, dựa vào tiếng có thanh không đôi (2, 4, 6 → 2/2/2)

+ Hải thanh: Tiếng 2 (B), tiếng 4 (T), tiếng 6 (B). Đối lập âm vực trầm bổng ở tiếng 6, 8 dòng bát

- Thể song thất lục bát

+ Số tiếng: cặp song thất (7 tiếng), và một cặp lục bát dòng (6 - 8 tiếng)

+ Vận: Cặp song thất: tiếng 7 - tiếng 5 hiệp vận (vận T); Cặp lục bát hiệp vận B; giữa cặp song thất và lục bát có vận liên

+ Nhịp: 2 câu thất 3/4 ; lục bát 2/2/2

+ Hải thanh: song thất: tiếng 3 linh hoạt B/T

- Các thể ngũ ngôn Đường luật

+ Ngũ ngôn tứ tuyệt: 5 tiếng 4 dòng

+ Ngũ ngôn bát cú: 5 tiếng, 8 dòng

+ Vận: độc vận, vận cách

+ Nhịp: 2/3

+ Hải thanh: Có sự luân phiên B-T hoặc niêm B - B, T - T ở tiếng thứ 2,4.

- Các thể thất ngôn đường luật

+ Thất ngôn tứ tuyệt: 7 tiếng 4 dòng (Thất ngôn bát cú: 7 tiếng, 8 dòng)

+ Vận: vận chân, độc vận, gieo vận cách

+ Nhịp 4/3

+ Hải thanh: tiếng thứ 4 đối dấu với tiếng thứ 2 và thứ 6; tiếng thứ 2 của dòng 2 và dòng 3, dòng 1 và dòng 4 phải cùng thanh.

- Các thể thơ hiện đại

Các thể thơ hiện đại rất đa dạng và phong phú: năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ-văn xuôi...câu thơ dài ngắn khác nhau, cách ngắt nhịp linh hoạt, vắt dòng...Chúng vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống, vừa có sự cách tân.

2.8. Xác định nội dung, chi tiết chính có liên quan đến văn bản

2.8.1. Đặt nhan đề, xác định câu chủ đề

Văn bản thường là một chỉnh thể thống nhất về nội dung, hài hòa về hình thức. Khi hiểu rõ được văn bản, học sinh dễ dàng tìm được nhan đề cũng như nội dung chính của văn bản.

Đặt nhan đề cho văn bản chẳng khác nào người cha khai sinh ra đứa con tinh thần của mình. Đặt nhan đề sao cho đúng, cho hay không phải là dễ. Vì nhan đề phải khái quát được cao nhất nội dung tư tưởng của văn bản, phải cô

động được cái thần, cái hồn của văn bản. Học sinh chỉ có thể đặt tên được nhan đề cho văn bản khi hiểu được nghĩa của nó. Vì thế giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh đọc văn bản để hiểu ý nghĩa của văn bản sau đó mới xác định nhan đề. *Nhan đề* của văn bản thường nằm ở những *từ ngữ, những câu lặp đi, lặp lại nhiều lần* trong văn bản.

Muốn xác định được câu chủ đề của đoạn, chúng ta cần xác định xem đoạn văn đó trình bày theo cách nào. Nếu là đoạn văn trình bày theo cách diễn dịch thì câu chủ đề thường ở đầu đoạn. Nếu là đoạn văn trình bày theo cách quy nạp thì câu chủ đề nằm ở cuối đoạn. Còn đoạn văn trình bày theo cách móc xích hay song hành thì câu chủ đề là câu có tính chất khái quát nhất, khái quát toàn đoạn. Câu đó có thể nằm bất cứ vị trí nào trong đoạn văn.

2.8.2. Xác định nội dung chính của văn bản

Muốn xác định được nội dung của văn bản giáo viên cần hướng dẫn học sinh căn cứ vào tiêu đề của văn bản. Căn cứ vào những hình ảnh đặc sắc, câu văn, câu thơ được nhắc đến nhiều lần. Đây có thể là những *từ khóa* chứa đựng nội dung chính của văn bản. Đối với văn bản là một đoạn, hoặc một vài đoạn, việc cần làm là học sinh phải xác định được đoạn văn trình bày theo cách nào: diễn dịch, quy nạp, móc xích hay song hành... Xác định được kiểu trình bày đoạn văn học sinh sẽ xác định được câu chủ đề nằm ở vị trí nào. Thường câu chủ đề sẽ là câu nắm giữ nội dung chính của cả đoạn. Xác định bố cục của đoạn cũng là căn cứ để chúng ta tìm ra các nội dung chính của đoạn văn bản đó.

2.8.3. Yêu cầu xác định từ ngữ, hình ảnh biểu đạt nội dung cụ thể trong văn bản

Phần này trong đề thi thường hỏi anh/chị hãy chỉ ra một từ ngữ, một hình ảnh, một câu nào đó có sẵn trong văn bản. Sau khi chỉ ra được có thể lý giải phân tích vì sao lại như vậy. Vì thế giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh đọc kỹ đề, khi lý giải phải bám sát vào văn bản. Phần này phụ thuộc nhiều vào khả năng cảm thụ thơ văn của học sinh.

2.9. Dựa vào văn bản cho sẵn viết một đoạn văn khoảng 5-7 dòng (tích hợp dạng bài nghị luận xã hội)

Trong đề Đọc hiểu phần câu hỏi này thường là câu cuối cùng. Sau khi các em học sinh nghiên cứu, tìm hiểu và trả lời các câu trên, đến câu này là câu có tính chất liên hệ mở rộng. Nó thuộc câu hỏi vận dụng. Học sinh dựa vào văn bản đã cho, bằng sự trải nghiệm của bản thân để viết một đoạn văn theo chủ đề. Phần này giáo viên cần lưu ý cho các em viết đủ số câu quy định, viết thành một đoạn văn trả lời trực tiếp vào câu hỏi.

3. Một số lưu ý khi làm phần Đọc hiểu trong đề thi

- *Về trình bày:* Học sinh cần phải trình bày khoa học, không nên tẩy xóa, viết chèn dòng trong bài. Nếu có sai thì gạch chéo và làm lại. Cần dùng các kí hiệu thống nhất với đề bài.

- *Về nhận diện câu hỏi:* Đọc kĩ yêu cầu đề để xác định nội dung câu hỏi có mấy ý, từ đó trả lời cho đúng, trúng vấn đề. Ví dụ nếu đề hỏi chỉ ra các phương thức/các thao tác lập luận trong văn bản trên thì câu trả lời sẽ từ hai phương thức/hai thao tác trở lên. Nhưng nếu câu hỏi chỉ ra thao tác nào/phương thức nào là chính hoặc chủ yếu thì câu trả lời chỉ là một phương thức/một thao tác.

- *Về cách trả lời:* Văn bản đọc hiểu thường không dài nên yêu cầu học sinh đọc văn bản để chọn câu trả lời cho phù hợp. Các em cần đọc lướt để tìm chủ đề hoặc ý chính, đọc kĩ để tìm chi tiết, thông tin. Câu trả lời cần trực tiếp, ngắn gọn, chính xác, đầy đủ. Hỏi gì trả lời đó, không trả lời thừa.

- *Thời gian làm phần Đọc – hiểu khoảng từ 20 đến 30 phút.*

II.2. Phần làm văn (Phụ lục 6)

II.2.1. Nghị luận xã hội

*** Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí**

a) Khái niệm: Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí là bàn luận về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức lối sống của con người.

b) Các yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

- **Bố cục:** Gồm 3 phần mở bài, thân bài, kết luận.
- **Yêu cầu về kĩ năng:** Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát,.....
- **Yêu cầu về nội dung:** Làm sáng tỏ các vấn đề tư tưởng, đạo lí bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích... chỉ ra chỗ đúng (hay chỗ sai) của một tư tưởng nào đó nhằm khẳng định tư tưởng của người viết-> Nêu ý nghĩa, rút ra bài học nhận thức...

c) Dàn ý bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

Mở bài: Giới thiệu, nêu tư tưởng, đạo lí cần nghị luận

Thân bài

- Luận điểm 1: Giải thích rõ nội dung tư tưởng đạo lí (Bằng cách giải thích các từ ngữ, các khái niệm..)
- Luận điểm 2: Phân tích các mặt đúng của tư tưởng đạo lí (Dùng dẫn chứng từ cuộc sống và văn học để chứng minh)

- Luận điểm 3: Bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến tư tưởng đạo lí (dùng dẫn chứng từ cuộc sống và văn học để chứng minh)
- Luận điểm 4: Đánh giá ý nghĩa tư tưởng đạo lí đã nghị luận.

Kết bài:

- Khái quát lại vấn đề cần nghị luận.
- Nêu ý nghĩa và rút ra bài học nhận thức từ tư tưởng đạo lí đã nghị luận

*** Nghị luận về một hiện tượng đời sống**

a) Khái niệm: nghị luận về một hiện tượng đời sống là bàn về một sự việc, hiện tượng trong đời sống xã hội, có ý nghĩa xã hội đáng khen, đáng chê hay vấn đề đáng suy nghĩ.

b) Các yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một hiện tượng đời sống

- **Bố cục:** Gồm 3 phần MB, TB, KL
- **Yêu cầu về kĩ năng:** Biết cách làm bài văn NLXH, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát,.....
- **Yêu cầu về nội dung:** Bài nghị luận này là phải nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề. Phân tích mặt sai, mặt đúng, mặt lợi, mặt hại của nó, chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến nhận định của người viết.

c) Dàn ý bài nghị luận về một hiện tượng đời sống

Mở bài: Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận

Thân bài

- **Luận điểm 1:** Nêu rõ hiện tượng đời sống cần nghị luận.
- **Luận điểm 2:** Phân tích các mặt đúng - sai, lợi - hại của hiện tượng đời sống đang nghị luận (dùng dẫn chứng từ cuộc sống để chứng minh)
- **Luận điểm 3:** Chỉ ra nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đời sống trên (dùng dẫn chứng từ cuộc sống để chứng minh)
- **Luận điểm 4:** Đánh giá hiện tượng đời sống đang nghị luận

Kết bài: - Khái quát lại vấn đề đang nghị luận.

- Bày tỏ thái độ của bản thân về hiện tượng đời sống đang nghị luận

II.2.2. Nghị luận văn học

II.2.2.1. Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

a) Khái niệm

- Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là trình bày ý kiến, nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó.

- Đối tượng của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ rất đa dạng: một bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ ... cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu ... của bài thơ, đoạn thơ đó.

- Bài viết thường có các nội dung sau:

+ Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ.

+ Bàn về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.

+ Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ.

b) Các bước tiến hành

1. Tìm hiểu đề

- Tìm hiểu vị trí của đoạn thơ trong bài thơ.

- Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ.

- Khẳng định ý nghĩa của đoạn thơ trong việc làm nên giá trị của bài thơ và sự nghiệp sáng tác của tác giả.

2. Tìm ý

- Tùy theo yêu cầu của đề bài mà chọn cách làm bài:

+ Với đề bài có yêu cầu cụ thể: phải lấy việc đáp ứng các yêu cầu ấy làm trọng tâm.

+ Đối với đề bài tự chọn cách khai thác: học sinh cần quan sát, nhận xét toàn bộ bài thơ, đoạn thơ để chọn ra một số điểm nổi bật nhất, đáng nói nhất mà giải thích, phân tích, bình luận. Bài viết có trọng tâm, không lan man, vụn vặt.

3. Lập dàn ý

* Mở bài: có thể linh hoạt nhưng cần đáp ứng đủ yêu cầu cơ bản sau:

- Giới thiệu ngắn gọn kiến thức cơ bản về tác giả, về hoàn cảnh ra đời, xuất xứ của bài thơ, đoạn thơ.

- Nêu khái quát về giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.

- Nêu lên yêu cầu của đề bài.

* Thân bài

- Giới thiệu mạch cảm xúc chủ đạo trong bài thơ.

- Trình bày và phân tích từng luận điểm. Viết thành từng đoạn, phải đảm bảo yêu cầu về cấu trúc và bố cục của từng đoạn, khi chuyển ý cần sử dụng các phương tiện liên kết, chuyển ý.

- Đánh giá chung về giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.

*** Kết bài**

- Khẳng định giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.

- Phát biểu cảm nghĩ của bản thân về tác giả: phong cách nghệ thuật, những đóng góp với cuộc sống và văn học hoặc về bài thơ, đoạn thơ; ý nghĩa của bài thơ đối với cuộc sống và con người.

II.2.2.2. Nghị luận về tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi

a) Khái niệm

- Đối tượng nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi rất đa dạng: có thể là đề tài của tác phẩm, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm nói chung; có thể là một nhân vật trong tác phẩm văn học (diễn biến tâm lí, phân tích nhân vật ...); có thể là một phương diện, một khía cạnh nội dung (giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo) hay nghệ thuật của tác phẩm hoặc của các tác phẩm, đoạn trích khác nhau (nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện ...); có thể so sánh nhiều TP, đoạn trích với nhau.

- Bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi thường có các nội dung:

+ Giới thiệu khái quát về tác phẩm hoặc đoạn trích văn xuôi cần nghị luận.

+ Phân tích các giá trị nội dung và nghệ thuật theo định hướng của đề hoặc một số khía cạnh đặc sắc nhất của tác phẩm, đoạn trích. Chú ý tìm những nét đặc sắc, nổi bật, vẻ đẹp riêng của tác phẩm.

+ Nêu đánh giá chung về ý nghĩa tác phẩm, đoạn trích.

b) Các bước tiến hành

Yêu cầu chung

- Đọc, tìm hiểu, khám phá giá trị nội dung - nghệ thuật của tác phẩm.

- Đánh giá được giá trị của tác phẩm.

Yêu cầu cụ thể

- Cần đảm bảo đầy đủ các phần của một bài nghị luận:

*** Mở bài**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm (theo yêu cầu cụ thể của đề bài).
- Nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của bản thân (về nội dung tư tưởng chủ đề, nhân vật, tình huống, nghệ thuật...) của tác phẩm.

*** Thân bài**

- Phân tích các giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm (đoạn trích văn xuôi). Chú ý tìm ra những nét đặc sắc, nổi bật, vẻ đẹp riêng của tác phẩm (đoạn trích văn xuôi).

*** Kết bài**

- Nêu nhận định, đánh giá chung về tác phẩm hoặc đoạn trích văn xuôi.
- **Lưu ý:** Phải nêu được luận điểm của cá nhân để nghị luận về tác phẩm, đoạn trích. Bố cục rõ ràng, triển khai các ý trong bài văn phải liền mạch. Diễn đạt trong sáng.

II.2.3. Kiến thức ôn tập (Phụ lục 5,6)

II.2.4. Cách thức tiến hành ôn tập, ôn thi

Khi dạy một chủ đề, người dạy bao giờ cũng phải phân chia thời gian, đảm bảo trong chuyên đề đó phải có ít nhất 1/2 thời gian dành cho kỹ năng. Tức là kiến thức cơ bản và cụ thể nhưng học trò phải giải quyết nó dưới nhiều câu hỏi, nhiều dạng đề khác nhau. Quá trình tự giải quyết vấn đề này chính là phát hiện được khả năng, hình thành năng lực cá nhân của học sinh.

Không chỉ dừng lại ở dạy trực tiếp trên lớp, giáo viên còn ứng dụng công nghệ thông tin để làm bài tập. Học sinh làm bài trực tiếp gửi cho giáo viên qua Internet (mail, messenger...) giáo viên sửa và gửi lại để học sinh hoàn thiện. ngoài ra, trước những băn khoăn vướng mắc học trò cũng có thể hỏi ngay cô giáo qua facebook... như vậy, việc học tập thuận tiện, hiệu quả.

Khi dạy học giáo viên áp dụng kênh hình, kênh chữ thông qua việc trình chiếu khiến giờ học sinh động và hấp dẫn hơn rất nhiều.

III. Khả năng áp dụng của giải pháp

Đề tài đã được bản thân nghiên cứu và được áp dụng thành công tại nhà trường. Tôi đã chia sẻ kinh nghiệm ôn tập, ôn thi cho đồng nghiệp, được mọi người ủng hộ nhiệt tình, nhân rộng ứng dụng, thu lại kết quả tốt.

Ngoài ra, tôi có dạy thử nghiệm ở một số trường trong khu vực thành phố Điện Biên Phủ, tôi nhận thấy hiệu quả thể hiện rõ bởi hệ thống kiến thức khoa học, rành mạch, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ. Vì vậy đề tài này có triển vọng cao.

Lựa chọn và áp dụng linh hoạt một số biện pháp trên trong quá trình giảng dạy và ôn tập cho các lớp 12 được phân công giảng dạy, tôi nhận thấy một số em

học yếu, không nắm vững kỹ năng làm bài cũng đã dần từng bước cải thiện chất lượng học tập môn Ngữ Văn của mình. Điều đó được thể hiện qua sự tham gia của các em vào các hoạt động học tập trong giờ học, qua kết quả của các bài kiểm tra: các em nắm vững kiến thức và biết cách tái hiện kiến thức theo yêu cầu của đề bài qua các bài kiểm tra chung; điểm yếu kém của các em đã giảm dần qua từng bài kiểm tra.

Những em học sinh học yếu khi được hỏi đã trả lời: những cách thức tiến hành như trên đã giúp các em hiểu bài tốt hơn; nắm được những kỹ năng và phương pháp làm bài đối với từng loại bài nghị luận xã hội hay nghị luận văn học để từ đó các em có thể vận dụng linh hoạt vào những đề bài cụ thể.

IV. Hiệu quả, lợi ích thu được

Thực hiện ý tưởng của mình, trên cơ sở bám sát chương trình phân môn. Trong các bài kiểm tra thường xuyên và định kì về nghị luận văn học của học sinh, tôi đã kiểm tra câu hỏi Đọc hiểu. Đồng thời tôi đã trao đổi với đồng nghiệp về cách hướng dẫn học sinh ôn tập về dạng đề này, được các thầy cô ủng hộ và cũng nhân rộng ra các lớp. Nhiều học sinh nắm chắc tại lớp lý thuyết và vận dụng làm được bài tập. Kết quả phiếu thăm dò cho thấy, sau khi được ôn luyện phần Đọc hiểu, khoảng 70% học sinh nắm chắc lý thuyết, tự tin làm bài thi THPT Quốc gia. Điều đó dự báo các em sẽ làm tốt phần Đọc hiểu. Từ đó nhân lên khả năng viết các phần trong Làm văn đạt hiệu quả tốt.

Sử dụng sơ đồ tư duy trong ôn tập, ôn thi THPTQG môn ngữ văn mang lại rất nhiều hiệu quả: Trước hết là tác dụng khơi gợi hứng thú học tập cho HS, phát huy tính tích cực, chủ động ở người học. Bởi lẽ, nếu không sử dụng sơ đồ bảng biểu, chúng ta sẽ phải liên tục đặt ra những câu hỏi có vấn đề để HS giải quyết. Như vậy HS dễ cảm thấy nhàm chán. Quá trình tư duy, giải quyết yêu cầu của sơ đồ lúc này được xem như một hành trình khám phá, chinh phục và khi hoàn thành sơ đồ, bảng biểu HS sẽ cảm thấy hứng khởi vì mình đã chinh phục được thử thách, vui với cảm giác thành công và chiến thắng.

Bên cạnh đó một lợi ích đáng kể nữa của việc sử dụng phương pháp này là giúp HS nắm bài nhanh, nhớ và hiểu bài sâu hơn, lưu giữ kiến thức khoa học, bền vững nhận rõ mối quan hệ giữa các kiến thức - sâu chuỗi được kiến thức đã học. Bởi kiến thức được lưu giữ ở dạng ngôn ngữ, hình ảnh (vì sử dụng phương pháp sơ đồ cũng là một dạng hình ảnh trực quan kết hợp với ngôn ngữ). HS trực tiếp quan sát, tự mình hoàn chỉnh những kiến thức ấy, đúng nguyên tắc - “*Tôi nghe - tôi quên; tôi nhìn - tôi nhớ; tôi làm - tôi hiểu*” đương nhiên các em sẽ nhớ và hiểu vấn đề sâu sắc hơn. Đặc biệt hiệu quả quan trọng nhất là rèn luyện cho HS tư duy tổng hợp, khái quát vấn đề; phát huy tinh thần làm việc tập thể (nhóm, tổ). Đồng thời, phương pháp này cũng giúp HS khắc phục được lỗi học

cũ, sao chép, máy móc, tiết kiệm thời gian, HS không phải ghi chép nhiều, rèn luyện ý thức tự học cho HS.

V. Phạm vi ảnh hưởng của giải pháp

Trong khi nhiều thầy cô, học sinh vẫn đang lung túng khi ôn luyện các phần: Đọc hiểu, NLVH, NLXH thì sáng kiến kinh nghiệm này có thể coi như một tài liệu hữu ích tháo gỡ những khó khăn trên. Sáng kiến cung cấp phương pháp ôn luyện với một hệ thống kiến thức lý thuyết bài tập minh họa chi tiết, thiết thực sẽ giúp các em học sinh, nhất là các em học sinh lớp 12 tự tin khi làm bài thi. Mở ra cho học sinh xét tuyển môn Văn nhiều cơ hội vào trường Đại học hơn.

Việc đổi mới phương pháp dạy học; ôn tập, ôn thi theo hướng tiếp cận phát triển năng lực là vấn đề cần được giáo viên và học sinh quan tâm. Có như vậy, môn văn mới phát huy được đúng giá trị nhân văn: dạy chữ - rèn người. Để làm tốt việc này, giáo viên thực sự có tâm huyết và phải thường xuyên trăn trở tự đổi mới và thu hút học sinh. Bản thân tôi vững tin rằng nếu chúng ta cùng cố gắng các em học sinh sẽ thật sự hứng thú học tập, đạt kết quả cao và yêu thích môn Ngữ văn.

VI. Kiến nghị, đề xuất

Đề tài có thể áp dụng rộng rãi trong toàn ngành để giáo viên ôn luyện cho học sinh THPT, đặc biệt là các em học sinh khối 12 đang chuẩn bị bước vào kì thi THPT Quốc gia.

Mỗi biện pháp đều có những ưu điểm và hạn chế riêng, không thể có một biện pháp tối ưu cho mọi trường hợp. Thêm vào đó, việc thực hiện có hiệu quả qua mỗi cách dạy của người giáo viên Ngữ văn luôn đòi hỏi cả người dạy và người học phải có những phẩm chất, kỹ năng nhất định và những điều kiện cần thiết để đảm bảo thực hiện tốt theo yêu cầu đặc trưng của bộ môn. Vì vậy, vấn đề quan trọng ở đây là phải có cách dạy phù hợp phát huy được năng lực của từng loại đối tượng học sinh.

Theo tôi, giáo viên dạy bộ môn chưa có biện pháp truyền đạt thu hút và lôi kéo học sinh vào bài học, điều này chỉ có khi giáo viên thật sự trăn trở, đầu tư tư chuyên môn, nâng cao tay nghề. Áp dụng phương pháp dạy học phù hợp để học sinh học tập đạt kết quả cao nhất.

Trên đây chỉ là một vài biện pháp mà bản thân tôi đã thực hiện trong quá trình giảng dạy, ôn tập cho các em học sinh lớp 12 thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thấy có hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên, đây vẫn chỉ là ý kiến cá nhân nên chắc chắn vẫn có những điều còn hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được sự

đóng góp, trao đổi ý kiến từ các đồng nghiệp để ngày càng có nhiều biện pháp giúp học sinh học Văn có hiệu quả hơn.

Điện Biên, ngày 15 tháng 4 năm 2017
Người viết

Phạm Thị Hà

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN NHÀ TRƯỜNG

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN SỞ GD&ĐT ĐIỆN BIÊN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách Ngữ Văn 12 – Tập 1, tập 2 - Nhà xuất bản Giáo dục - Năm 2008.
2. Sách giáo viên Ngữ Văn 12 – Tập 1, tập 2 - Nhà xuất bản Giáo dục - Năm 2008.
3. Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Ngữ Văn 12 - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Năm 2010.
4. Rèn luyện kỹ năng nghị luận – Bảo Quyên – NXB Giáo dục – 2003.
5. Muốn viết được bài văn hay – Nguyễn Đăng Mạnh – NXB Giáo dục – 1994
6. Dạy văn ở trường phổ thông – Nguyễn Thị Thanh Hương – NXB ĐHQG Hà Nội – 2001.

